KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026
NHÓM TRẺ GHÉP TỪ 12 ĐẾN 36 THÁNG TUỔI

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Thời gian thực hiện chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
			Chung	Riêng		
1. Giáo dục phát triển thể chất						
a) Phát triển vận động						
**** Trẻ biết thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp***						
1	12-18 tháng	Trẻ tích cực thực hiện bài tập. Làm 1 số động tác đơn giản cùng cô: Giơ cao tay, ngồi cúi về phía trước, nằm giơ cao chân.	- Tay: Tay giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên.	Tập thụ động	1-9	
	18-24 tháng	Trẻ biết bắt chước một số động tác theo cô: Giơ tay-đưa về phía trước-sang ngang		- Hô hấp: tập hít thở + Tay: Đưa ra sau Chân: Dang sang 2 bên.		
	24-36 tháng	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân.		- Hô hấp: tập hít vào, thở ra - Tay: Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Vặn người sang 2 bên. - Chân: co duỗi từng chân.		
**** Trẻ biết thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu***						
	12-18 tháng	Trẻ biết tự đi tới chỗ giáo viên (khi được gọi) hoặc đi tới chỗ trẻ muốn.	* Tập đi, chạy + Đi trong đường hẹp + Đi theo hướng thẳng		1-10	
		Trẻ giữ được thăng		* Tập đi, chạy		

2	18-24 tháng	bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m.	+ Đi có mang vật trên tay. + Đi theo hiệu lệnh. + Đi bước qua dây + Đi trong đường hẹp + Đi theo hướng thẳng + Đi bước qua vật cản + Đi bước qua gậy kê cao. +Đi về phía trước + Đi theo đường zích zắc + Chạy đổi hướng + Tập bước lên, xuống bậc thang	+ Đi bước qua vật cản.		
	24 -36 tháng	Trẻ biết giữ được thăng bằng trong vận động bước, bật, đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.		- Tập đi, chạy + Chạy theo hướng thẳng. + Đứng co 1 chân. + Đi theo đường ngoằn nghoèo + Bật tại chỗ + Bật qua vật cản + Bật liên tục qua 3 ô + Bật xa bằng 2 chân + Bật tại chỗ bằng 2 chân	1-10	

				+ Bật lien tuch về phía trước + Đi bước vào các ô - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát + Đi có mang vật trên tay. + Bật qua vạch kẻ + Đi kết hợp với chạy + Đi theo hiệu lệnh. + Bước lên xuống bậc cao có tay vịn + Bước lên xuống bậc cao 15cm - Chạy nhanh về phía trước		
3	12-18 tháng	Bò theo bóng lăn / đồ chơi được khoảng 2,5 – 2m	- Lăn bóng theo đường hẹp * Tập tung, ném: + Tung bắt bóng cùng cô. + Ngồi lăn bóng. + Đứng ném bóng + Đứng tung bóng.	- Tập trườn bò theo vật cản	1,5,6	
	18-24 tháng	Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn - bắt bóng với cô.				
	24-36 tháng	Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 - 1,2m.		- Tập tung, ném, bắt: + Tung bóng bằng 2 tay + Ném bóng vào đích.		

4	12-18 tháng	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	* Tập bò, trườn + Bò về phía trước + Bò chui qua cổng + Bò qua vật cản + Bò chui dưới dây + Bò chui dưới gậy kê cao + Trườn tới đích. + Trườn chui qua cổng + Trườn qua vật cản	- Tập bò, trườn: + Bò theo hướng thẳng	1,2,4,5, 6,7	
	18- 24 tháng			- Tập bò, trườn: + Bò đến vật chuẩn + Trườn về phía trước + Bò đến vật chuẩn		
	24-36 tháng	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.		- Tập bò, trườn: + Trườn chui qua cổng + Trườn qua vật cản + Bò thẳng hướng theo đường hẹp + Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng + Bật về phía trước + Bò chui qua cổng + Bò theo đường ngoằn nghoèo		
	12-18 tháng	Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động lăn, ném bóng: ngồi, lăn mạnh bóng lên trước được khoảng 2,5m; có thể tung	- Ngồi lăn, tung bóng + Ngồi tung bóng + Tung bóng		3,4,10	

		(hất) hóng xa được khoảng 70cm	qua dây + Lăn bóng theo đường zích zắc			
5	18 -24 tháng tháng	Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.				
	24- 36 tháng	Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).		+ Ném bóng về phía trước	3	
**** Trẻ biết thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay***						
6	12-18 tháng	Thực hiện được cử động bàn tay, ngón tay khi cầm, gõ, bóp, đập đồ vật.		- Xoay bàn tay và cử động các ngón tay. - Gõ, đập, cầm, bóp đồ vật.	2,6,9	
	18-24 tháng	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.		- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.		

	24-36 tháng	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa khéo".		- Xoay tay, chạm các đầu ngón tay với nhau. - Rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.		
7	12-18 tháng	Lồng được 2- 3 hộp, xếp chồng được 2 – 3 khối vuông.		- Đóng mở năp không ren - Tháo lắp lồng hộp. - Xếp chồng 2 – 3 khối.	1-10	
	18-24 tháng	Trẻ biết tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ.		- Đóng mở nắp có ren. - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Xếp chồng 4 - 5 khối.		
	24-36 tháng	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay -mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.		- Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách		
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe						
**** Chiều cao cân nặng phù hợp với độ tuổi***						
8	12-18 tháng	**Trẻ 12- 18 tháng tuổi: Cân nặng: Bé trai: 7,7 - 12,0 kg,*	*- Chế độ dinh dưỡng hợp lí*			

		Bé gái: 7,0 - 11,5 kg *Chiều cao: Bé trai: 71,1 - 80,5cm, Bé gái: 68,9 - 79,2 cm*	*đáp ứng với nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi.*			
	18-24 tháng	*- Trẻ Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.* *Trẻ 18 tháng tuổi:* *+ Cân nặng : Bé trai: 8,9 - 14,0 kg, Bé gái: 8,20 - 13,5 kg* *+ Chiều cao: Bé trai: 78,0 - 89,0cm, Bé gái: 76,0 - 88,0 cm* *Trẻ 24 tháng tuổi:* *+ Cân nặng : Bé trai: 9,75 - 15,4 kg, Bé gái 9,00 - 14,9 kg* *+ Chiều cao: Bé*	*- Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm* *- Cân đo:* *+ Đối với trẻ phát triển bình thường, cân đo 3 tháng/lần* *+ Đối với trẻ SDD, béo phì thì theo dõi 1 lần/tháng* *- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển*		1- 10	
	24-36 tháng	*- Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi* *+ Cân nặng bình thường của bé trai: 11,3 – 18,3Kg; Bé gái: 10,8 – 18,1 kg.* *+ Chiều cao bình thường của bé trai: 88,7 - 103,5cm; Bé gái: 87,4 – 102,7 cm trai: 78,0 - 89,0cm, Bé gái:*				

		76,0 - 88,0 cm				
**** Trẻ có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt***						
9	12-18 tháng	Thích nghi với chế độ ăn cháo.		- Làm quen với chế độ ăn cháo nấu với các thực phẩm khác nhau.		
	18 - 24 tháng	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.		- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.	1,2,3	
	24-36 tháng	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.		- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. *+ Ăn cơm, thịt, đậu, rau, trứng…* *+ Không làm cơm rơi vãi, không nói chuyện khi ăn.* *+ Biết mời cô và bạn ăn cơm.*		
10	12 -18 tháng	Ngủ đủ 2 giấc theo chế độ sinh hoạt.		- Làm quen chế độ ngủ 2 giấc	1- 10	
	18 -24 tháng	Ngủ 1 giấc buổi trưa.		- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc.		
	24-36 tháng	Ngủ 1 giấc buổi trưa.		- Luyện thói quen ngủ 1		

				giấc trưa.		
11	12- 18 tháng	Chấp nhận ngồi bô khi đi vệ sinh	12-24 tháng - Tập 1 số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. '+ "Gọi" cô khi bị ướt bị bẩn.			
	18-24 tháng	Trẻ biết "gọi" người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.			1- 10	
	24-36 tháng	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.		- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. *- Tự chăm sóc bản thân: (chăm sóc mắt, mũi, miệng sau khi ăn)*		
**** Trẻ biết thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe***						
12	12-18 tháng	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn.		1,2,3,4, 7,8,9	
	18-24 tháng					

		(ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt.			
	24-36 tháng	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).		- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. *+ Cách cầm thìa, cầm cốc uống nước.* *+ Xúc cơm (không để cơm rơi), uống nước* + Chuẩn bị chỗ ngủ. *+ Chuẩn bị chỗ ngủ (lấy gối, cất gối)* - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.		
13	24-36 tháng	Trẻ biết đội mũ khi ra nắng; đi giầy dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh, biết làm một số hoạt động đơn giản như: Xúc cơm, uống nước, mặc, cởi quần áo….		Tự phục vụ: xúc cơm, uống nước; mặc - quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, biết đội mũ khi đi ra ngoài nắng *Bảo vệ, chăm*	2,9	

				sóc sức khỏe bản thân: Ăn uống đúng giờ, đa dạng các loại thực phẩm; Chăm sóc mắt, mũi, răng miệng) *Tập tự phục vụ:* *+ Cách cầm thìa, cầm cốc uống nước.* *+ Xúc cơm(không để cơm rơi), uống nước.*		
**** Trẻ nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn***						
14	12-18 tháng		- Nhận biết 1 số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. *- Nhận biết được nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy nổ, bếp ga, bếp củi, bình ga, bật lửa, bao diêm.* *- Cách phòng*		3,4,10	
	18-24 tháng	Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun..) khi được nhắc nhở.				
	24-36 tháng	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.				

			tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy nổ. Không được đến gần bếp ăn, ổ điện, bật lửa, phích nước nóng, bô xe máy, máy nổ, cháy nhà. *- Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.* *- Nghe thấy tiếng báo động thì trẻ chạy ra khỏi nơi đang ở.*			
15	12-18 tháng		Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm : + Leo trèo lên bàn, ghế, cửa sổ, leo trèo cây... + Chơi nghịch các vật sắc nhọn, hột hạt nhỏ, đất nặn, bút chì màu không được cho vào tai,		1,2,3	
	18-24 tháng	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế..) khi được nhắc nhở.				
	24-36 tháng	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can,				

		chơi nghịch các vật sắc nhọn,...) khi được nhắc nhở.	mũi, miệng ... - *Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn* - *Không chơi nghịch vật sắc nhọn như dao, kéo, leo trèo lan can.*			
2. Giáo dục phát triển nhận thức						
**** Trẻ thích khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan***						
16	18-24 tháng	- Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Tìm nơi phát ra âm thanh. - Tìm đồ chơi vừa cất giấu. '- Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh. '- Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh. '- Ngửi mùi của 1 số loại hoa, quả quen thuộc, gần gũi.		3,5,6	
	24-36 tháng	- Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Nếm vị của 1 số quả, thức ăn - Tìm đồ chơi (đồ vật) vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh Nếm vị của một số quả, thức ăn (Ngọt, mặn, chua) - Nhận biết âm thanh của một số đồ vật tiếng kêu của một số			

			con vật quen thuộc. *+ Trống, xắc xô, phách tre, mõ…* *+ Con gà, con lợn, con mèo, con chó…* - Trẻ sờ nắn, nhìn, ngửi … đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.			
**** Trẻ biết thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi***						
17	18-24 tháng	Trẻ biết bắt chước hành động đơn giản của những người thân.	- Tên 1 số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tay, chân. Đồ chơi đồ dùng của bản thân (Nhóm/ lớp) Trẻ nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm / lớp: Cái khăn cái cốc…	- Tên của bản thân. - Hình ảnh của bản thân trong gương.	2,4,6	
	24-36 tháng	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.				

			Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc: Cái áo, Cái mũ, trang phục ngày tết….			
18	12-18 tháng	Chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên của bản thân. - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của số người thân gần gũi trong nhóm/ lớp (cô giáo, các bạn...). - *Thể hiện cảm xúc của bản thân, người thân và người khác: ôm, bế, thơm.* + Trò chuyện về mẹ của bé, những người thân trong gia đình, mọi người xung quanh, cô bán hàng. + Nhận biết cô giáo của bé, cô cấp dưỡng cô y tế		1,2,3,4	
	18-24 tháng	Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi				
	24-36 tháng	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi				
19	18-24 tháng	Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	- Tên, một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay,		2	

	24-36 tháng	Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	chân. *+ Bảo vệ các bộ phận trên cơ thể (bảo vệ đôi mắt, bảo vệ tai, mũi, bàn tay…)* + Nhận biết bạn trai, bạn gái			
20	18-24 tháng	Trẻ chỉ/lấy/nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	Tên và một số đặc điểm nổi bật của rau, hoa, quả quen thuộc (rau cải, rau ngót, xu hào, bắp cải, quả táo, quả cà chua, hoa hồng, hoa đào, hoa mai...) + Nhận biết Cái khăn, cái cốc + Nhận biết trò chuyện về một số loại quả ngày tết, hoa hồng hoa cúc(hoa đào), cây nhãn cây mít, rau cải, rau su su… *- Sống gần gũi với môi trường tự nhiên* *+ Yêu quý, chăm sóc, bảo vệ cây cảnh thiên nhiên.* *+ Tưới nước, nhổ cỏ, không ngắt lá, bẻ cành, lau lá cây.* - Tên đặc điểm công dụng nổi		1,6,7,8	
	24-36 tháng	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật , các phương tiện giao thông quen thuộc, gần gũi.				

			bật của đồ dùng, đồ chơi... - *Sử dụng đồ dùng đồ chơi:* *+ Cất đúng nơi quy định, không quang ném, đập phá..* - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật (Con chó, con mèo, con gà, con vịt, con cá, con bò...) - *Tiếp xúc an toan với động vật:* *+ Không lại gần và ôm chó, mèo, trâu bò.* - Tên đặc điểm nổi bật của một số phương tiện giao thông quen thuộc + Trò chuyện về xe đạp, ô tô			
21	12-18 tháng 18-24 tháng 24-36 tháng	Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn. Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.	Màu đỏ, xanh + Nhận biết đèn xanh, đèn đỏ + Nhận biết quả bóng xanh, quả bóng đỏ - Hình tròn, hình vuông. + Nhận biết hình tròn hình vuông		2,4,8,10	
22	24-36 tháng	Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu	- Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so		2,8,10	

		cầu.	với bản thân trẻ. + Nhận biết phía trên – phía dưới + Nhận biết Phía trước – phía sau - Số lượng một và nhiều + Nhận biết số lượng một và nhiều - Kích thước to - nhỏ. + Nhận biết quả bóng to – quả bóng nhỏ - *Làm quen với ngôn ngữ tiếng việt: Trẻ nói được tên đồ chơi, đồ vật, một số bộ phận, con vật, hoa quả, hình tròn, hình vuông, màu sắc...* + Nhận biết quả bóng búp bê + Nhận biết đèn ông sao, bánh trung			
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ						
a) Nghe hiểu lời nói						
23	12-18 tháng	Trẻ hiểu được một số từ chỉ người, đồ chơi đồ dùng gần gũi.	- 12-36:Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói		1,2,3	
	18-24 tháng	Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây, đi rửa tay…				

	24-36 tháng	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động, Ví dụ "cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!''.				
24	12-18 tháng	Trẻ làm theo được một vài yêu cầu đơn giản: Chào- khoanh tay, hoan hô- vỗ tay, tạm biệt- vẫy tay…	12-24: Nghe các câu hỏi:' ' ở đâu?", " con gì?", " …thế nào?" (gà gáy thế nào? "), " cái gì?"l " làm gì?".		1,2,3	
	18-24 tháng	Trẻ hiểu được từ " không": dừng hành động khi nghe " không được lấy !", " không được sờ!"…				
	24-36 tháng	Trẻ trả lời các câu hỏi: " ai đây?", " cái gì đây?", " …làm gì?", " …thế nào?" (ví dụ: " con gà gáy thế nào?"…).		- Nghe các câu hỏi: " cái gì?", " làm gì?", " ở đâu?", " như thế nào?".		
25	12-18 tháng	Trẻ hiểu câu hỏi: "… đâu?" (" mẹ đâu?", " bà đâu?", " vịt đâu?''…)	12-24: Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh		1-10	
	18-24 tháng	Trẻ trả lời được câu hỏi đơn giản: " ai đây?", " con gì đây?", " cái gì đây?"…				
	24-36 tháng	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật .		Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, câu đố, bài hát và truyện ngắn.		
b) Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu						
26	12-18 tháng	Trẻ bắt chước được âm thanh ngôn ngữ khác nhau: ta ta,	12-24: Phát âm các âm khác nhau		1- 10	

		meo meo, bim bim,..	Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. Trả lời và đặt câu hỏi: " con gì?", " cái gì?", " làm gì?". - Phát âm các âm khác nhau. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, ... thế nào?, để làm gì?, tại sao?. Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có gợi ý: + Truyện: Đôi bạn tốt, cháu của Bác Hồ Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn + Truyện: Quả trứng, chú dê đen, chiếc áo mùa xuân, thỏ con đón tết, nhổ củ cải, gấu con đi xe đạp, đèn giao thông, chiếc áo mới, ...			
	18-24 tháng	Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi…				
	24-36 tháng	Phát âm rõ tiếng		Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm , hành động quen thuộc trong giao tiếp.		
27	12-18	Trẻ nhắc lại được một số từ đơn: mẹ,	12-24: Đọc theo , đọc tiếp		1- 10	

	tháng	bà, ba, gà, tô…	cùng cô tiếng cuối của câu thơ. + Thơ: Bạn mới, đèn kéo quân, lời chào, chia đồ chơi, con yêu bố,cái thìa, cô dạy, con mèo, quà 8/3, mưa, đồ chơi...			
	18-24 tháng	Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc				
	24-36 tháng	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo,		- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.		
c, Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp						
28	12-18 tháng	Trẻ sử dụng các từ đơn khi giao tiếp như gọi mẹ, bà…	12 -24: Nói một vài từ đơn giản, nói được câu đơn 2-3 tiếng như : Con đi chơi, mẹ đi làm…		5,6,7	
	18-24 tháng	Trẻ nói được câu đơn 2-3 tiếng: con đi chơi, bóng đá, mẹ đi làm…				
	24-36 tháng	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 -7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.		Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp *- Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 5-7 tiếng tiếng viêt chỉ con vật, đồ vật,*		

				sự vật, hoa quả,hoạt động, đặc điểm..		
29	12-18 tháng	Trẻ nói câu gồm 1 hoặc 2 từ: " bế" (khi muốn được bế), " uống" hoặc " nước" (khi muốn uống nước|), " măm măm" (khi muốn ăn), " đi, đi"(khi muốn đi chơi)…	12-24: Thể hiện nhu cầu mong muốn của mình bằng câu đơn giản		1,2,5,8	
	18-24 tháng	Trẻ chủ động nói nhu cầu mong muốn của bản thân(cháu uống nươc, cháu muốn…)				
	24-36 tháng	Trẻ biết sử dụng lời nói tới các mục đích khác nhau: Chào hỏi trò chuyện Bày tỏ nhu cầu của bản thân Hỏi về các vấn đề quan tâm như: " Con gì đây ? ; Cái gi đây ? "		Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài Trả lời câu hỏi cái gì, làm gì? ở đâu? Thế nào? Để làm gì? Tại sao? Con gì?	5,8	
30	24-36 tháng	Trẻ biết nói đủ to, đủ nghe, lễ phép		Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn	3,4	
4: Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mĩ						
a, Phát triển tình cảm						

31	12-18 tháng	Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh(chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	12-24:Nhận biết tên goi, hình ảnh bản thân		1,2	
	18-24 tháng					
	24-36 tháng	Trẻ biết nói một vài thông tin về mình(tên, tuổi), và biết một số kỹ năng tự bảo vệ bản thân		Nhận biết tên gọi, một số thông tin, đặc điểm bên ngoài bản thân. - *KN bảo vệ sức khoẻ và an toàn.*		
32	12-18 tháng	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi	12-24: Biểu lộ tình cảm,sự thích giao tiếp bằng cử chỉ lời nói với cô và các bạn.		2,4	
	18-24 tháng					
	24-36 tháng	Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích		Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình.		
33	12-18 tháng	Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn sợ hãi của mình với người xung quanh	12-24: Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh		1,3,4	
	18-24 tháng					
	24-36 tháng	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.		Biểu lộ sự thích giao tiếp với người xung quanh - *Khi người lạ bế, xâm hại trẻ biết gào khóc, kêu gọi*		

				người thân.		
34	12-18 tháng	Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	12-24: Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi Quan tâm đến các con vật nuôi		3,4	
	18-24 tháng					
	24-36 tháng	Trẻ biết được trạng thái cảm xúc vui buồn, sợ hãi,		Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: Vui buồn,sợ hãi, tức giận. - *Trẻ nhận diện và thể hiện cảm xúc của bản thân* *+ Được người thân bế vui vẻ tươi cười âu yếm.* *+ Người lạ bế la khóc giãy giụa, kêu la.*		
35	24-36 tháng	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt cử chỉ		Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt cử chỉ	3,4	
36	24-36 tháng	Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.		Quan tâm đến các vật nuôi, bắt chước tiếng gà gáy, vịt kêu, thích chơi những trò chơi tạo dáng, bắt chước tiếng	5	

				kêu		
37	12-18 tháng	Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở	Tập thực hiện một số hành vy giao tiếp, như: Chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ " ạ", " dạ".		3,4	
	18-24 tháng					
	24-36 tháng	Trẻ biết chào, tạm biệt cảm ơn, ạ, vâng ạ.		Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ"dạ", vâng ạ";Chơi cạnh bạn không cấu bạn		
38	12-18 tháng	Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại…).	Bắt chước được một vài hành vi như (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại…). Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp như: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại…) + HĐVĐV: Làm quen với giấy bút, bé		1,2	
	18-24 tháng					
	24-36 tháng	Trẻ biết thực hiện một số hành vi xã hội đơn giản, qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại…)				

			làm quen với đất nặn, tập cầm bút vẽ *- Trẻ biết thực hiện yêu cầu vào lớp của cô khi trời nắng, mưa, gió...*			
39	12-18 tháng	Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản cuả người lớn	Làm theo một số yêu cầu đơn giản của cô và người lớn		5,7,8	
	18-24 tháng					
	24-36 tháng	Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác biết đưa ra ý kiến, và đề nghị giúp đỡ khi cần thiết.		Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn Trình bày ý kiến cá nhân - Trẻ sử dụng các từ đề nghị sự giúp đỡ khi bị đau, ngứa, bị thương,...		

40	24-36 tháng	Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn, biết quan tâm, giúp đỡ bạn khi cần		Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên. *- Thể hiện sự quan tâm:* *+ Bạn khóc biết ôm, xoa đầu.* *+ Bạn đau, khóc, ngã biết gọi người lớn..* *- Thể hiện sự biết ơn, tôn trọng những gì người khác làm cho mình:* *+ Trẻ biết xin khi được người khác cho quà.*	7,8,10	
41	12-18 tháng	Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc(dậm chân, lắc lư, vỗ tay…).	Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc + Hát: Đi nhà trẻ, búp bê, bé và trăng, đường và chân, vui đến trường, quả bóng, đôi dép, cô và mẹ, mẹ yêu không nào, cả nhà thương nhau, đồ dùng nhà bé, cô và mẹ, múa cho em ngoan hơn búp bê, cùng		1- 10	
	18-24 tháng					
	24-36 tháng	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.				

			múa vui, con gà trống, là con mèo, cá vàng bơi, quả, sắp đến tết rồi, mùa xuân đến rồi, hái hoa, lý cây xanh, hoa trường em, quà 8/3, ếch ộp, trời nắng, trời mưa, mùa hè đến, cháu đi mẫu giáo, em mơ gặp Bác Hồ, đèn xanh đèn đỏ, Lái ô tô, Em tập lái ô tô, lời cô dặn, chú voi con ở bản Đôn, múa cho mẹ xem, cả tuần đều ngoan...			
42	12-18 tháng	Trẻ thích vẽ, xem tranh	Tập cầm bút vẽ Xem tranh + Vẽ: Vẽ con gấu, vẽ theo ý thích, vẽ mưa + Tô màu: Tô màu quả bóng, tô màu cái bát, tô màu hộp y tế, tô màu con gấu, tô màu con mèo, tô màu trang phục của bé, tô màu bông hoa, ... + Nặn: Nặn bánh hình tròn, nặn đôi đũa, theo ý thích, nặn quả trứng, nặn bánh trưng,		1- 10	
	18-24 tháng					
	24-36 tháng	Trẻ biết tô màu,vẽ, nặn, xé,vò, xếp hình, xâu vòng, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)		Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé dán, vò, xếp hình... - *Sử dụng nguyên vật liệu tự nhiên, tái chế.* *- Bảo vệ giữ gìn những đồ dùng, sản phẩm của mình và bạn khác*		

			nặn bánh xe + Xé dán: Dán bánh xe đạp + Xếp hình: Xếp ngôi nhà, xếp đường đi, xếp ao cá + Xâu vòng: xâu vòng xanh đỏ tặng bạn, Xâu vòng hoa, xâu vòng xanh, đỏ, vàng tặng cô, xâu vòng hoa màu đỏ, màu vàng, xâu vòng tặng bạn. + HĐVĐV: Lật mở trang sách,			
43	24-36 tháng	Trẻ biết tham gia bảo vệ môi trường		*Vứt rác đúng nơi quy định*	1-10	

ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG

……
……
……
……
……
……
……
……
……

NGƯỜI LẬP **BAN GIÁM HIỆU DUYỆT**

Mào Phương Hà **Mào Thị Hải**